

Số: 3133/2022/QĐST – HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 19 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1887/2022/TLST-HNGĐ ngày 02/8/2022 về việc “Ly hôn”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: 50 đường M, Khu phố E, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Mai Văn H, sinh năm: 1962

Địa chỉ: 104 đường G, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 56, 57, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Ngọc H và ông Mai Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Bà H và ông H có một con chung tên Mai Hoàng D, sinh ngày 18/6/1985 đã trưởng thành.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông H cùng xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn*) bà Nguyễn Ngọc H tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0027586 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 29/7/2022. Hoàn trả cho bà H số tiền còn lại là: 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn*). Bà H đã nộp đủ án phí, ông H không phải nộp án phí.

2.4. Về nghĩa vụ và quyền yêu cầu thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Trung Thực